

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỚP 12- MÔN ĐỊA LÍ

PHẦN I: RÈN LUYỆN CÁC KĨ NĂNG VỀ BIỂU ĐỒ, NHẬN XÉT SỐ LIỆU

Bài 1: Cho bảng số liệu về cơ cấu các nhóm ngành CN (Đơn vị: %)

Nhóm ngành	1996	1999	2000	2004	2005
CN khai thác	13,9	14,7	15,8	12,8	11,2
CN chế biến	79,9	79,6	78,7	81,3	83,2
CN điện, nước, khí đốt	6,2	5,7	5,5	5,9	5,6

1, Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi cơ cấu giữa các nhóm ngành CN trên trong giai đoạn 1996 – 2005

2, Nhận xét về sự thay đổi nói trên

Bài 2: Cho bảng số liệu về giá trị sản xuất CN phân theo thành phần kinh tế (Đơn vị: Tỷ đồng)

Thành phần kinh tế	1996	2005
Nhà nước	74 161	249 085
Ngoài nhà nước	35 682	308 854
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	39 589	433 110

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất CN phân theo thành phần KT của nước ta trong năm 1996 và 2005

2. Nêu nhận xét.

Bài 3: Cho bảng số liệu về giá trị sản xuất CN phân theo vùng lãnh thổ (Đơn vị: %)

Vùng	1996	2005
Đồng bằng Sông Hồng	17,1	19,7
Trung du và miền núi Bắc Bộ	6,9	4,6
Bắc Trung Bộ	3,2	2,4
Duyên hải Nam Trung Bộ	5,3	4,7
Tây Nguyên	1,3	0,7
Đông Nam Bộ	49,6	55,6
Đồng bằng Sông Cửu Long	11,2	8,8
Không xác định	5,4	3,5

1, Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất CN phân theo vùng lãnh thổ của nước ta trong năm 1996 và 2005

2. Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu CN theo vùng lãnh thổ của nước ta trong năm 1996 và 2005

3. Giải thích vì sao Đông Nam Bộ luôn chiếm tỉ trọng CN cao nhất cả nước?

Bài 4: Cho bảng số liệu sản lượng than và điện nước ta

Sản phẩm	2000	2002	2004	2005
Than đá (Triệu tấn)	11,6	16,4	27,3	34,1
Điện (Tỷ Kwh)	26,7	35,8	46,2	52,1

1. Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sản lượng than và điện qua các năm.

2. Nhận xét và giải thích

Bài 5: Cho bảng số liệu

Sản phẩm	1995	2000	2001	2005
Quần áo (Tr. cái)	171,9	337	375,6	1011
Giày, dép (Tr. đôi)	46,4	107,9	102,3	218
Giấy bìa (Nghìn tấn)	216	408,4	445,3	901,2

1. Vẽ trên cùng một hệ trục tọa độ các đường biểu diễn thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp nói trên thời kì 1995- 2005. (Lấy giá trị năm 1995 là 100%)

2. Nhận xét về tình hình tăng trưởng các sản phẩm nói trên. những nguyên nhân ảnh hưởng đến sự tăng trưởng đó.

Bài 6: Cho bảng số liệu về tình hình sản xuất sợi và vải lụa của nước ta:

Sản phẩm	1990	1995	2000	2005
Sợi (nghìn tấn)	58	59	130	259
Vải lụa (Triệu mét)	318	263	356	561

1. Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện tình hình sản xuất sợi và vải lụa qua các năm
2. Nhận xét.

Bài 7: Cho bảng số liệu về tình hình phát triển du lịch nước ta:

Đơn vị: %

Quốc tịch	1996	2005
Trung Quốc	34	21,7
Nhật Bản	7	9,2
Châu Âu	8	6,0
Hoa kỳ	3	9,6
Việt kiều	12	14,6
Các nước khác	36	38,9
Tổng lượt khách (Triệu lượt)	1,6	3,47

1. Vẽ biểu đồ thể hiện qui mô và cơ cấu khách du lịch quốc tế, Việt Kiều đến nước ta trong thời gian trên
2. Nhận xét và giải thích về sự phát triển du lịch ở nước ta trong thời gian qua.

Bài 8: Cho bảng số liệu : Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta (%)

Nhóm hàng	1995	1999	2000	2001	2005
Hàng CN nặng và khoáng sản	25,3	31,3	37,2	34,9	36,1
Hàng CN nhẹ và tiểu thủ CN	28,5	36,8	33,8	35,7	41
Hàng nông, lâm, thủy sản	46,2	31,9	29	29,4	22,9

1. Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta trong giai đoạn 1995- 2005
2. Nhận xét

Bài 9: Cho bảng số liệu giá trị xuất nhập khẩu nước ta (%)

Năm	1990	1992	1996	1999	2005
Xuất khẩu	46,6	50,4	40,1	49,5	46,9
Nhập khẩu	53,4	49,6	59,9	50,5	53,1

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu xuất nhập khẩu thời kỳ 1990- 2005
2. Nhận xét về cơ cấu xuất nhập khẩu nước ta trong thời gian trên.

Bài 10: Cho bảng số liệu : Cơ cấu giá trị nhập khẩu theo thị trường (%)

Thị trường	Đông nam á	Trung quốc, Đông bắc á	EU	Nước khác
2000	28,5	34,9	8,4	28,2
2005	25,4	36,9	7,0	30,7

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu giá trị nhập khẩu theo thị trường của nước ta trong thời gian trên
2. Nhận xét, phân tích ý nghĩa của sự thay đổi đó.

Bài 11a: Cho bảng số liệu về diện tích cây công nghiệp của nước ta

Đơn vị: Nghìn ha

Cây CN	1975	1985	1990	1995	2005
Cây CN hàng năm	210,1	600,7	542	716,7	861,5
Cây CN lâu năm	172,8	470,3	657,3	902,3	1633,6

1. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu cây CN ở nước ta trong giai đoạn 1975- 2005.
2. Nhận xét xu hướng biến động diện tích cây CN hàng năm và cây CN lâu năm và sự thay đổi cơ cấu cây CN trong thời gian trên

Bài 11b: Cho bảng số liệu: tỉ suất sinh, tử nước ta giai đoạn 1979 – 2010 (Đơn vị : ‰)

Năm	1979	1989	1999	2010
Tỉ suất sinh	33,2	31,1	19,9	17,1
Tỉ suất tử	7,2	8,4	5,6	6,8

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện tỉ suất sinh, tỉ suất tử, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta trong thời gian trên.
2. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi tỉ suất sinh, tử và gia tăng DS tự nhiên trong thời gian trên.

PHẦN 2: RÈN LUYỆN CÁC KỸ NĂNG KHAI THÁC ATLÁT ĐỊA LÍ

Bài 12: Dựa vào Atlát địa lí – Trang 16, hãy:

- Xác định tên, qui mô, cơ cấu các trung tâm CN ở vùng đồng bằng Sông Hồng và vùng phụ cận, vùng Đông nam bộ

- Nhận xét về sự phân bố các trung tâm CN ở nước ta. Giải thích vì sao có sự phân bố như vậy

Bài 13: Dựa vào Atlát địa lí – Trang 17, Nhận xét về tình hình sản xuất, cơ cấu và phân bố diện ở nước ta

Bài 14: Dựa vào Atlát địa lí – Trang 17, nhận xét về tình hình sản xuất và phân bố của ngành CN hàng tiêu dùng và thực phẩm .

Bài 15: Dựa vào Atlát địa lí – Trang 18, Xác định các tuyến đường quốc lộ quốc gia và các đường quốc lộ trong các vùng kinh tế, các cảng biển và sân bay quan trọng của nước ta.

Bài 16: Dựa vào Atlát địa lí – Trang 18, hãy:

- Nhận xét về tình hình gia tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của nước ta từ 1995- 2000
- Lập bảng số liệu về tình hình xuất nhập khẩu của nước ta từ năm 1996 đến năm 2000, từ đó rút ra nhận xét .
- Xác định các bạn hàng chủ yếu của nước ta và kim ngạch buôn bán của nước ta với các bạn hàng đó.

Bài 17: Dựa vào Atlát địa lí – Trang 19, hãy:

- Chứng minh rằng nước ta có tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú.
- Nêu tình hình phát triển du lịch ở nước ta từ năm 1990 đến 2000.
- Xác định các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia và có ý nghĩa vùng.

Bài 18: Dựa vào Atlát địa lí- trang 14, hãy:

- Lập bảng số liệu về tình hình sản xuất lúa của nước ta từ năm 1990 đến năm 2000 (Diện tích, sản lượng, năng suất)
- Từ đó nhận xét về tình hình SX và phân bố cây lúa trong thời gian trên.

Bài 19: Dựa vào Atlát địa lí- trang 13, 14, hãy:

- Xác định các vùng có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây CN so với tổng diện tích gieo trồng đạt trên 40%, từ 15-40% và dưới 15%. Giải thích.
- Xác định vùng phân bố của các cây CN: mía, lạc, cà phê, cao su, chè, dừa

Bài 20: Dựa vào Atlát địa lí- trang 15, nhận xét về tình hình sản xuất và phân bố ngành thủy sản của nước ta.

Bài 21: Dựa vào Atlát địa lí:

- Lập bảng số liệu cơ cấu dân số thành thị và nông thôn nước ta trong giai đoạn 1989 - 2007. Kể tên các đô thị có số dân 500.001 – 1.000.000 người
- Chứng minh rằng dân cư nước ta phân bố không đồng đều. Vì sao có sự phân bố như vậy.

Bài 22: Dựa vào Atlát địa lí

- Xác định các cây CN được trồng ở vùng Tây nguyên và Trung du miền núi Bắc bộ. Vì sao cây chè được trồng nhiều ở 2 vùng này.
- Kể tên 5 tỉnh có sản lượng thủy sản đánh bắt lớn nhất nước ta. Vì sao các tỉnh này có sản lượng đánh bắt lớn.